MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ CUỐI KÌ 1 –MÔN CÔNG NGHỆ 11- NH 2023-2024

GIÁO VIÊN RA ĐỀ: ĐOÀN THỊ BÍCH THỦY

1. Ma trận, đặc tả đề kiểm tra cuối Học kì I- KTNN 11

- Thời điểm kiểm tra: **Tuần 18** của năm học.
- Thời gian làm bài: 45 phút
- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận với tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận;*
- Cấu trúc:
+ Mức độ đề: 40*% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, *(gồm 28 câu hỏi: nhận biết: 16 câu, thông hiểu: 12 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*
+ Phần tự luận: 3,0 điểm *(Vận dụng: 2,0 điểm/1 câu; Vận dụng cao: 1,0 điểm/1 câu).*

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	**Giới thiệu chung về chăn nuôi**	1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi	1	0,75	1	1,5					2	0	2,25	5,0
		1.2. Phân loại vật nuôi	1	0,75							1	0	0,75	2,5

		1.3. Một số thành tựu nổi bật trong chăn nuôi	1	0,75							1	0	0,75	2,5
		1.4. Phương thức chăn nuôi và xu hướng phát triển của chăn nuôi.	1	0,75	1	1,5					2	0	2,25	5,0
		1.5 Yêu cầu của người lao động trong chăn nuôi			1	1,5					1	0	1,5	2,5
2	**Công nghệ giống vật nuôi**	2.1. Khái niệm và vai trò của giống trong chăn nuôi.	1	0,75							1	0	0,75	2,5
		2.2. Các chỉ tiêu cơ bản và phương pháp chọn giống vật nuôi.	1	0,75	1	1,5			1	5,0	2	1	7,25	15,0
		2.3. Các phương pháp nhân giống vật nuôi.	1	0,75	1	1,5					2	0	2,25	5,0

3	**Công nghệ thức ăn chăn nuôi**	3.1. Thức ăn, tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của vật nuôi.	3	2,25	2	3,0					5	0	5,25	12,5
		3.2 Sản xuất thức ăn chăn nuôi.	3	2,25	3	4,5					6	0	6,75	15,0
		3.3. Chế biến và bảo quản thức ăn chăn nuôi.	3	2,25	2	3,0	1	10			5	1	15,25	32,5
Tổng			**16**	**12**	**12**	**18**	**1**	**10**	**1**	**5**	**28**	**2**	**45**	**100**
Tỉ lệ (%)			**40**		**30**		**20**		**10**					
Tỉ lệ chung %)			**70**				**0**							

Lưu ý: - Các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Trong mỗi đơn vị kiến thức chỉ nên ra một câu mức độ vận dụng hoặc mức độ vận dụng cao.

2. ĐẶC TẢ CUỐI KÌ 1.

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

				Số câu hỏi theo mức độ nhận thức

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**1. Giới thiệu chung về chăn nuôi**	1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi	**Nhận biết:** - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. - Trình bày được triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. **Thông hiểu:** - Giải thích được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. - Phân tích được vai trò của chăn nuôi đối với gia đình và địa phương.	1	1		
		1.2. Phân loại vật nuôi	**Nhận biết:** - Nêu được cách phân loại vật nuôi theo nguồn gốc. - Nêu được cách phân loại vật nuôi theo đặc tính sinh vật học.	1			

			- Nêu được cách phân loại vật nuôi theo mục đích sử dụng. **Thông hiểu:** - Phân loại được các loại vật nuôi theo nguồn gốc. - Phân loại được các loại vật nuôi theo đặc tính sinh vật học. - Phân loại được các loại vật nuôi theo mục đích sử dụng. **Vận dụng** - Phân loại được các vật nuôi của địa phương vào các nhóm phù hợp theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.				
		1.3. Một số thành tựu nổi bật trong chăn nuôi	**Nhận biết:** - Kể tên được một số thành tựu nổi bật trong chăn nuôi (trong công tác giống, trong nuôi dưỡng và chăm sóc, trong xử lý chất thải và bảo vệ môi trường,….) **Thông hiểu:** - Phân tích được ý nghĩa của một số thành tựu nổi bật trong chăn nuôi (trong công tác giống, trong nuôi dưỡng và chăm sóc, trong xử lý chất thải và bảo vệ môi trường,….). - Trình bày được những thành tựu trong chăn nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương.	1			

		1.4. Phương thức chăn nuôi và xu hướng phát triển của chăn nuôi.	**Nhận biết:** - Kể tên được một số một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. - Nêu được đặc điểm của một số phương thức chăn nuôi phổ biến.	1	1		

			- Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. - Nêu được đặc điểm của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh. **Thông hiểu:** - Phân biệt được các hình thức chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến. - Nhận biết được những phương thức chăn nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương. **Vận dụng** - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi ở gia đình và địa phương.				

		1.5 Yêu cầu của người lao động trong chăn nuôi	**Nhận biết:** - Nêu được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Phân tích được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. **Vận dụng:** Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.		1		
2		2.1. Khái niệm và vai trò của giống	**Nhận biết:** - Trình bày được khái niệm giống vật nuôi.	1			

	2. Công nghệ giống vật nuôi	trong chăn nuôi.	- Nêu được vai trò của giống trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Giải thích được vai trò của giống đối với chăn nuôi (năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, khả năng chống chịu điều kiện bất lợi, …) - Nêu được vai trò của giống với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương.				

		2.2. Các chỉ tiêu cơ bản và phương pháp chọn giống vật nuôi.	**Nhận biết:** - Kể tên được các chỉ tiêu cơ bản trong chọn giống vật nuôi. - Kể tên được các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến. - Nêu được đặc điểm cơ bản của các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến. - Trình bày được ưu và nhược điểm của các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến. **Thông hiểu:** - Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến. - So sánh được các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến. - Xác định được phương pháp chọn giống vật nuôi phù hợp với mục đích của chọn giống. - Phân tích được ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi.	1	1		1

			Vận dụng - Đề xuất được phương pháp chọn giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể. **Vận dụng cao** - Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong chọn giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.				
		2.3. Các phương pháp nhân giống vật nuôi.	**Nhận biết:** - Kể tên được các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến. - Nêu được các đặc điểm cơ bản của các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến. - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến. **Thông hiểu:** - Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến. - So sánh được các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến. - Xác định được phương pháp nhân giống vật nuôi phù hợp với mục đích của chọn giống. - Phân tích được ứng dụng của công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi.	1	1		

			- Nêu được một số phương pháp nhân giống vật nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương. **Vận dụng** - Đề xuất được phương pháp nhân giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể. **Vận dụng cao** - Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong nhân giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.				

3	**3. Công nghệ thức ăn chăn nuôi**	3.1. Thức ăn, tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của vật nuôi.	**Nhận biết:** - Trình bày được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi. - Nêu được ý nghĩa thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi. - Nêu được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi. **Thông hiểu:** - Phân biệt được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi. - Giải thích được ý nghĩa của việc xác định thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi và chăn nuôi. - Giải thích được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi. **Vận dụng:**	3	2		
			- Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.				

		3.2 Sản xuất thức ăn chăn nuôi.	**Nhận biết:** - Kể tên được các nguyên liệu chính dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi. - Kể tên được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được tên các bước của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. **Thông hiểu:** - Tóm tắt được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.	3	3		
		3.3. Chế biến và bảo quản thức ăn chăn nuôi.	**Nhận biết:** - Kể tên được các nguyên liệu thường dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi. - Kể tên được một số phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.	3	2	1	

			- Kể tên được một số phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Tóm tắt được một số phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi. - Lựa chọn được nguyên liệu phù hợp để chế biến thức ăn cho một loại vật nuôi cụ thể. - Lựa chọn được phương pháp phù hợp để chế biến thức ăn cho các đối tương vật nuôi khác nhau. **Vận dụng:** - Đề xuất được phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương. - Đề xuất được phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương. - Chế biến được một loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương.				

			- Bảo quản được một số loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương.				
	Tổng số câu			**16**	**12**	**1**	**1**

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0.25 điểm, cho mỗi câu tự luận được quy định rõ trong đáp án và hướng dẫn chấm. - Mỗi nội dung chỉ nên ra 1 câu hỏi vận dụng hoặc vận dụng cao.
- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

GV RA ĐỀ Tổ trưởng CM

Đoàn Thị Bích Thủy

Đoàn Thị Bích Thuỷ